TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **43**/2019/DSST Ngày 27/8/2019 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH

N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA- TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Toàn

+ *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Nguyễn Ngọc Trứ

2/ Ông Trương Đức Lâm

Thư ký phiên toà: Bà Lê Ngọc Mai- Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Ông Ong Văn Chúc - Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hũa, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐST-DS ngày 21 ngày 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N.**

Địa chỉ: Tầng 2 Tòa nhà R, số 9 Đ, phường 12, quận 4, TP. H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G – chức vụ: Chủ tịch HĐTV.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1989, có đơn xin vắng mặt;
2. Bà Lê Thị Thu H;
3. Bà Lê Thị L;
4. Bà Đặng Thị Thương H;

Đều là nhân viên Văn phòng Luật sư V– Đoàn Luật sư tỉnh V.

- *Bị đơn:* **Chị Ngô Thị P (tên gọi khác: Ngô Thị Minh P)**, sinh năm 1985, vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm Đ, thôn T, xã M, huyện H, tỉnh B.
- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*
Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1978, vắng mặt.
Địa chỉ: Xóm Đ, thôn T, xã M, huyện H, tỉnh B.

NỘI D VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 12 năm 2018 kèm theo giấy tờ, các tài liệu liên quan và các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (bà Nguyễn Thị D, bà Lê Thị Thu H) trình bày như sau:

Ngày 18/12/2015 chị Ngô Thị P (tên gọi khác: Ngô Thị Minh P) có ký kết Đơn đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số No 0340651 với Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N (sau đây gọi tắt là Công ty Tài chính) để vay số tiền gốc là **30.595.000đ (ba mươi triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng).** Mục đích vay là để tiêu dùng cá nhân, hình thức vay là vay tín chấp không có tài sản bảo đảm, lãi suất vay là 2,92%/tháng, P thức trả nợ là trả chậm trong thời gian 36 tháng. Tổng số tiền chị Ngô Thị P (Ngô Thị Minh P) phải trả cho Công ty Tài chính trong vòng 36 tháng bao gồm cả tiền nợ gốc và nợ lãi là: **50.312.000đ (năm mươi triệu ba trăm mười hai nghìn đồng),** cụ thể trong thời hạn 35 tháng kể từ ngày vay, mỗi tháng chị P phải trả cho Công ty Tài chính số tiền cả gốc và lãi là 1.384.000đ (một triệu ba trăm tám mươi tư nghìn đồng), tháng cuối cùng chị P phải thanh toán trả cho Công ty Tài chính số tiền còn lại là 1.872.000đ (một triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn đồng). Kỳ thanh toán là vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/02/2016.

Thực hiện theo Hợp đồng hai bên đã ký kết, Công ty Tài chính đã giải ngân đủ số tiền **30.595.000đ (ba mươi triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng)** cho chị P vay. Từ ngày vay đến ngày 04/01/2017, tổng số tiền chị P đã thanh toán trả cho Công ty Tài chính là 15.526.000đ (mười lăm triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn đồng), trong đó tiền nợ gốc đã trả là 6.032.068đ (sáu triệu không trăm ba mươi hai nghìn không trăm sáu mươi tám đồng), tiền lãi là 9.493.932đ (Chín triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn chín trăm ba mươi hai đồng). Kể từ sau ngày 04/01/2017 đến nay chị P không thanh toán trả thêm cho Công ty Tài chính bất kỳ khoản tiền nào nữa, mặc dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở, đôn đốc yêu cầu chị P phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Công ty. Do vậy, nay Công ty Tài chính có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải Q buộc chị Ngô Thị P (Ngô Thị Minh P) phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho Công ty toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày hết hạn Hợp đồng tín dụng (01/01/2019) là **34.786.000đ (ba mươi tư triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn đồng)**, trong đó tiền nợ gốc là 24.562.932 đồng, nợ lãi là 10.223.068 đồng. Đối với khoản tiền lãi phát sinh từ

ngày hết hạn hợp đồng đến nay, Công ty Tài chính không có bất kỳ yêu cầu gì thêm.

Bị đơn (chị Ngô Thị P- tên gọi khác: Ngô Thị Minh P): Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi ý kiến, văn bản đến Tòa án, vì vậy không có lời khai trong hồ sơ. Tòa án đã nhiều lần trực tiếp cùng với địa P về làm việc tại gia đình nhưng chị P đều vắng mặt. Qua xác minh địa P cung cấp: chị Ngô Thị P (tên gọi khác: Ngô Thị Minh P) có hộ khẩu thường trú tại Xóm Đ, thôn T, xã M, Hiệp Hòa, Bắc Giang. Địa P chỉ biết chị P hiện đi làm ăn chỉ thỉnh thoảng về qua nhà nhưng toàn về vào buổi tối sau đó lại đi luôn nên không thường xuyên có mặt tại địa P, còn cụ thể chị P làm gì, địa chỉ ở đâu địa P không biết nhưng chị P không đi hẳn khỏi địa P.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (anh Nguyễn Văn Q): Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi ý kiến, văn bản đến Tòa án, vì vậy không có lời khai trong hồ sơ.

Tại phiên toà, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xét đã đảm bảo đúng theo quy định; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản đúng quy định, đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 471; 474; 476; 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N.

Buộc chị Ngô Thị P (tên gọi khác: Ngô Thị Minh P) phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 01/01/2019 là **34.786.000đ (ba mươi tư triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn đồng)**, trong đó nợ gốc là 24.562.932 đồng, nợ lãi là 10.223.068 đồng.

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Ngô Thị P (Ngô Thị Minh P) do chị P thuộc đối tượng là hộ cận nghèo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ□ợc thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. ***Về thủ tục tố tụng:***

Chị Ngô Thị P (Ngô Thị Minh P) và anh Nguyễn Văn Q đã được Toà án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự có tên nêu trên.

[2]. ***Về nội D tranh chấp:***

Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N và chị Ngô Thị P (Ngô Thị Minh P) tự nguyện thỏa thuận ký kết cho vay tiền theo Đơn đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số No 0340651 ngày 18/12/2015, xác nhận là hợp đồng hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2].1. Xét yêu cầu của Công ty Tài chính yêu cầu riêng chị Ngô Thị P (Ngô Thị Minh P) phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho Công ty Tài chính toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 01/01/2019 là **34.786.000đ (ba mươi tư triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn đồng)**, trong đó tiền nợ gốc là 24.562.932 đồng, nợ lãi là 10.223.068 đồng thấy rằng:

Chị Ngô Thị P (Ngô Thị Minh P) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vì vậy xác định chị P biết việc Công ty Tài chính có đơn khởi kiện yêu cầu chị trả số tiền vay còn nợ cho Công ty. Việc chị P không đến Tòa án làm việc, trình bày về hợp đồng vay tiền mà hai bên đã ký kết để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình là tự tước bỏ đi quyền và nghĩa vụ mà pháp luật quy định cho chị P có quyền thực hiện, vì vậy hậu quả của việc chị P không bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình chị P phải gánh chịu. Tại Tòa án cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định sau khi chị P và Công ty Tài chính thỏa thuận ký kết Đơn đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số No 0340651 ngày 18/12/2015, Công ty Tài chính đã thực hiện nghĩa vụ của bên cho vay là giao số tiền **30.595.000đ (ba mươi triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng)** cho chị P vay, chị P đã nhận đủ số tiền này. Đến kỳ hạn trả nợ từ ngày vay đến ngày 04/01/2017, tổng số tiền chị P đã thanh toán trả cho Công ty Tài chính là 15.526.000đ (mười lăm triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn đồng), trong đó tiền nợ gốc đã trả là 6.032.068đ (sáu triệu không trăm ba mươi hai nghìn không trăm sáu mươi tám đồng), tiền lãi trả là 9.493.932đ (Chín triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn chín trăm ba mươi hai đồng). Kể từ sau ngày 04/01/2017 đến nay chị P không thanh toán trả thêm cho Công ty Tài chính bất kỳ khoản tiền nào nữa, mặc dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở, đôn đốc yêu cầu chị P phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Công ty. Do trong Đơn đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số No 0340651 ngày 18/12/2015 ký kết giữa chị P và Công ty Tài

chính chỉ có một mình chị P là người đứng tên vay trong Hợp đồng này và mục đích vay là để tiêu dùng cá nhân, Công ty Tài chính cũng xác định chỉ yêu cầu chị P phải có nghĩa vụ thanh toán trả số tiền còn nợ cho Công ty, vì vậy Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hiện chị P còn nợ của Công ty Tài chính tổng số tiền tính đến ngày 01/01/2019 là **34.786.000đ (ba mươi tư triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn đồng)**, trong đó tiền nợ gốc là 24.562.932 đồng, nợ lãi là 10.223.068 đồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính là có căn cứ, cần buộc chị Ngô Thị P (Ngô Thị Minh P) phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho Công ty Tài chính số tiền còn nợ là **34.786.000đ (ba mươi tư triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn đồng)**, trong đó nợ gốc là 24.562.932 đồng, nợ lãi là 10.223.068 đồng.

[2].2. Xét việc Công ty Tài chính không yêu cầu chị Ngô Thị P (Ngô Thị Minh P) phải thanh toán trả cho Công ty Tài chính khoản tiền lãi phát sinh từ ngày hết hạn của Hợp đồng tín dụng (ngày 01/01/2019) đến ngày xét xử sơ thẩm, xét là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, cần được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Yêu cầu của Công ty Tài chính được chấp nhận nên Công ty Tài chính không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Đối với chị Ngô Thị P (Ngô Thị Minh P) thuộc đối tượng hộ cận nghèo của xã M năm 2019 do vậy, chị P được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 471; 474; 476; 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N.

Buộc chị Ngô Thị P (tên gọi khác: Ngô Thị Minh P) phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N tổng số tiền còn nợ là **34.786.000đ (ba mươi tư triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn đồng)**, trong đó nợ gốc là 24.562.932 đồng, nợ lãi là 10.223.068 đồng.

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Ngô Thị P (tên gọi khác: Ngô Thị Minh P) do chị P thuộc đối tượng hộ cận nghèo. Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả

Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 869.650đ (Tám trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm lăm mươi đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000993 ngày 21/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ng□ời đ□ợc thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- *Tòa án ND tỉnh Bắc Giang*
- *VKSND tỉnh Bắc Giang;*
- *VKSND huyện Hiệp Hòa;*
- *Các đ- ơng sự;*
- *Chi cục thi hành án;*
- *L- u.*

T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Nguyễn Xuân Toàn